

DANH SÁCH LỚP CHUYÊN NGÀNH

LỚP: CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG VÀ MẠNG MÁY TÍNH 2014MT (C TTT 14MT)

STT	MÃ SV	HỌ TÊN SINH VIÊN		L P	NGÀY SINH	I M TB (HK1, HK2, HK3)	NG KÝ TVT	NG KÝ VT&MMT	CHUYÊN NGÀNH C XÉT	L P CHUYÊN NGÀNH	GHI CHÚ	
1	0308141005	Trần Nhật	C	C	TTT 14A	16/06/1996	6.29		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
2	0308141006	Lê Đức	Duy	C	TTT 14A	12/02/1996	6.41		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
3	0308141007	Lê Khắc	Duy	C	TTT 14A	15/01/1996	6.36		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
4	0308141008	Nguyễn Hoàng Trung	Đi	C	TTT 14A	06/01/1996	5.92		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
5	0308141012	Nguyễn Hữu	Đức	C	TTT 14A	12/12/1996	6.37		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
6	0308141017	Phan Nguyễn Minh	Hồ	C	TTT 14A	07/03/1996	5.45		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
7	0308141020	Nguyễn Minh	Hồ	C	TTT 14A	05/04/1996	5.62		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
8	0308141033	Phùng Quang	Huy	C	TTT 14A	14/05/1996	5.78		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
9	0308141034	Lê Văn	Hùng	C	TTT 14A	08/07/1995	5.38		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
10	0308141039	Lê Thị Ngọc	Linh	C	TTT 14A	21/11/1996	6.01		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
11	0308141044	Nguyễn Tiến	Mạnh	C	TTT 14A	14/04/1995	6.12		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
12	0308141049	Trần Lê Thanh	Nam	C	TTT 14A	29/01/1996	6.00		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
13	0308141050	Nguyễn Thị Kim	Ngân	C	TTT 14A	14/12/1995	5.85		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
14	0308141052	Lưu Hữu	Nghĩa	C	TTT 14A	27/10/1996	6.45		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
15	0308141056	Võ Thanh	Nhàn	C	TTT 14A	28/03/1996	6.22		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
16	0308141062	Nguyễn Phúc	Phúc	C	TTT 14A	04/10/1996	5.41		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
17	0308141063	Ngô Hữu	Phúc	C	TTT 14A	27/08/1996	5.43		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
18	0308141069	Quảng Sơn	Rim	C	TTT 14A	27/12/1996	6.21		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
19	0308141078	Nguyễn Trần	Tâm	C	TTT 14A	30/01/1996	5.86		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
20	0308141079	Đào Thái	Tân	C	TTT 14A	19/06/1996	5.96		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
21	0308141082	Nguyễn Hoàng Dũng	Thanh	C	TTT 14A	05/01/1996	5.81		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
22	0308141084	Trần Thị	Thái	C	TTT 14A	16/05/1995	6.38		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
23	0308141085	Nguyễn Đức	Thị	C	TTT 14A	17/03/1993	5.42		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
24	0308141088	Nguyễn Minh	Thu	C	TTT 14A	06/12/1996	6.08		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
25	0308141091	Nguyễn Hữu	Tinh	C	TTT 14A	11/03/1996	6.98		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
26	0308141093	Nguyễn Duy	T	C	TTT 14A	24/03/1996	7.05		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
27	0308141097	Trần Đức	Trung	C	TTT 14A	25/02/1995	6.75		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
28	0308141099	Phạm Hoàng	Tu	C	TTT 14A	15/11/1996	6.39		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
29	0308141101	Trần Quốc	Việt	C	TTT 14A	23/06/1995	6.19		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
30	0308141102	Hồ Nhật Phúc	Vinh	C	TTT 14A	24/02/1996	5.91		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
31	0308141103	Lê Thành	V	C	TTT 14A	05/11/1996	6.35		X	VT&MMT	C	TTT 14MT
32	0308141112	Nguyễn Thành	Chi	C	TTT 14B	12/07/1996	6.01		X	VT&MMT	C	TTT 14MT

STT	MÃ SV	H	TÊN SINH VIÊN	L	P	NGÀY SINH	I M TB (HK1, HK2, HK3)	NG KÝ TVT	NG KÝ VT&MMT	CHUYÊN NGÀNH C XÉT	L	P	CHUYÊN NGÀNH	GHI CHÚ
33	0308141115	Nguy n Công	Danh	C	TTT 14B	23/04/1996	5.56		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
34	0308141121	Nguy n T n	t	C	TTT 14B	31/03/1996	5.80		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
35	0308141122	inh Nguy n Xuân	y	C	TTT 14B	24/12/1996	5.58		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
36	0308141125	Nguy n V n	Hi n	C	TTT 14B	20/12/1996	5.83		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
37	0308141127	Ph m Thanh	Hoài	C	TTT 14B	19/08/1996	6.96		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
38	0308141130	Nguy n Qu c	Hòa	C	TTT 14B	10/09/1994	5.31		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
39	0308141131	Ph m Th	Hòa	C	TTT 14B	15/06/1996	6.12		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
40	0308141135	Nguy n Qu c	Huy	C	TTT 14B	12/11/1996	5.34		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
41	0308141139	Nguy n M nh	Hùng	C	TTT 14B	13/01/1996	5.63		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
42	0308141140	Nguy n V n	Hùng	C	TTT 14B	27/10/1996	7.02		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
43	0308141141	Tr n V n	Hùng	C	TTT 14B	07/02/1996	5.91		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
44	0308141143	T V n	Kha	C	TTT 14B	27/09/1996	5.85		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
45	0308141146	Tr n Qu c	Khang	C	TTT 14B	21/05/1995	5.30		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
46	0308141147	Trnh Nguyễn	Khôi	C	TTT 14B	19/07/1996	6.60		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
47	0308141155	Nguy n Phan	Luân	C	TTT 14B	04/04/1996	5.62		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
48	0308141158	V Ng c	Minh	C	TTT 14B	30/06/1995	5.59		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
49	0308141162	Nguy n Ngô Thanh	Nhã	C	TTT 14B	23/02/1995	5.48		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
50	0308141165	Ph m Minh	Nh t	C	TTT 14B	27/05/1996	6.66		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
51	0308141168	Phan Thanh	Phong	C	TTT 14B	31/01/1996	5.30		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
52	0308141169	Võ Thanh	Phong	C	TTT 14B	25/06/1996	6.91		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
53	0308141170	Lê Hoàng	Phúc	C	TTT 14B	24/03/1996	6.57		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
54	0308141173	Nguy n Anh	Qui	C	TTT 14B	15/11/1996	7.41		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
55	0308141174	inh Công	S n	C	TTT 14B	04/07/1996	6.46		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
56	0308141175	Mai Thanh	S n	C	TTT 14B	13/08/1996	5.64		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
57	0308141177	Nguy n Tr ng	S n	C	TTT 14B	20/08/1996	5.44		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
58	0308141179	Ph m ình	T o	C	TTT 14B	27/08/1996	6.06		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
59	0308141183	Võ Minh	T n	C	TTT 14B	11/10/1996	6.36		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
60	0308141185	Kh u V n	Thành	C	TTT 14B	27/06/1996	6.75		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
61	0308141189	Lê Minh	Thiên	C	TTT 14B	04/11/1996	6.40		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
62	0308141193	Phúc	Th	C	TTT 14B	09/04/1995	5.46		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
63	0308141195	Tr n V n	Thông	C	TTT 14B	15/06/1994	6.12		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
64	0308141196	Lê Th Ng c	Th	C	TTT 14B	10/01/1996	7.01		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
65	0308141198	Ph m ng Duy	Th c	C	TTT 14B	26/01/1996	5.81		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
66	0308141199	Lê Minh	Ti n	C	TTT 14B	20/05/1996	5.73		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
67	0308141200	Thái Duy	Ti n	C	TTT 14B	25/02/1996	5.67		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
68	0308141201	Lý H u	Toàn	C	TTT 14B	04/12/1996	6.40		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
69	0308141203	Nguy n Qu c	Tr ng	C	TTT 14B	26/12/1995	5.76		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
70	0308141207	V n Thanh	Tùng	C	TTT 14B	27/04/1996	5.76		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		
71	0308141208	Bùi Xuân	V	C	TTT 14B	02/06/1996	5.63		X	VT&MMT	C	TTT 14MT		